| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LẠC THỦY**<br>**TỈNH HÒA BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2023/DSST
*V/v kiện xin ly hôn.*
*Ngày 27 tháng 9 năm 2023*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY – HÒA BÌNH
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* ông Vũ Hải Dương.
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông: Phạm Anh Đức;
2. Ông: Lê Đắc Tỵ.

*Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà - Nguyễn Thị Hường* - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy tham gia phiên tòa:* bà Bùi Thị Mai

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 Tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 69/2023/ HNGD ngày 28 tháng 8 năm 2023 về việc kiện xin ly hôn (tuyên bố không công nhận là vợ chồng). Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXX-DS ngày 15 tháng 9 năm 2023; Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Đào Thị V, sinh năm 1970. Có mặt
Trú tại: thôn L, xã T, huyện L,tỉnh Hoà Bình.
2. Bị Đơn: anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1966. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Trú tại: thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn của chị Đào Thị V trình bày như sau:

1. Về hôn nhân: Sau quá trình tìm hiểu, năm 2005 bà và ông Bùi Văn Đ tự nguyện về chung sống với nhau tại thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Hoà Bình, đã được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Do hiểu biết pháp luật thấp nên hai ông bà không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hai ông bà chung sống hoà thuận, đến năm 2017 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên sảy ra cãi vã. Nguyên nhân là do ông Đ ghen tuông vô cớ. Năm 2020, mâu thuẫn xảy ra đỉnh điểm, bà V và ông Đ không chung sống với nhau nữa cho đến nay. Xét thấy không còn tình cảm với nhau, không có nguyện vọng đoàn tụ, bà V đề nghị Toà án giải quyết, tuyên bố ông bà không phải là vợ chồng để ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: ông bà có một con chung: Bùi Văn T, sinh ngày 24/9/2006. Hiện con đang ở với ông Đ. Bà V có nguyện vọng để con tiếp tục cho ông Đ nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: ông bà tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung: các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về công nợ: Không có.

Tại bản tự khai bị đơn ông Bùi Văn Đ trình bày như sau:

1. Về hôn nhân: ông xác nhận, năm 2005, ông bà về chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn như bà V trình bày là đúng sự thật. Theo ông, năm 2020, giữa hai ông bà phát sinh mâu thuẫn: thường xuyên sảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống và không chung sống với nhau từ thời điểm đó đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, ông cũng không có nguyện vọng đoàn tụ, đề nghị Toà án giải quyết vụ việc, tuyên bố không công nhận ông và bà Đào Thị V là vợ chồng.

2. Về con chung: ông xác nhận hai ông bà có một con chung như bà V trình bày và nhất trí với ý kiến của bà V: ông nhận trách nhiệm tiếp tục nuôi dưỡng con Bùi Văn T, sinh ngày 24/9/2006. Về cấp dưỡng nuôi con: ông bà tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về công nợ chung: không có.

5. Vì lý do công việc và sức khoẻ, ông Đ không tham gia phiên toà, đã có đơn đề nghị Toà án nhân dân huyện Lạc Thuỷ, tỉnh Hoà Bình xét xử vắng mặt ông theo các nguyện vọng như ông đã trình bày trong bản tự khai.

Tòa án tiến hành đi xác minh thu thập chứng cứ, chính quyền địa phương cho biết: bà Đào Thị V và ông Bùi Văn Đ về chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Khoảng ba năm nay, bà V và ông Đ không còn chung sống với nhau nữa

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án tuyên bố không công nhận bà và ông Bùi Văn Đ là vợ chồng và giải quyết về con chung theo nguyện vọng của bà đã trình bày trong đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình, tuân thủ quy định luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt quy định trong tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điều 14, điều 15, điều 16, khoản 2 Điều 53, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị Vinh: tuyên bố bà Đào Thị V và ông Bùi Văn Đ không phải là vợ chồng.

Về con chung: giao con Bùi Văn T, sinh ngày 24/9/2006 cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1. ]Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: ông Bùi Văn Đ hiện cư trú tại: thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Hoà Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS)

Bị đơn ông Bùi Văn Đ đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Toà án không hoãn phiên toà, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

- Về quan hệ tranh chấp: bà Đào Thị V và ông Bùi Văn Đ không đăng ký kết mà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005. Bà V khởi kiện xin ly hôn với ông Bùi Văn Đ, Tòa án đã thụ lý và xác định quan hệ tranh chấp là: ly hôn (không công nhận là vợ chồng) là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

[3.] Về quan hệ hôn nhân: năm 2005, sau thời gian tìm hiểu, bà Đào Thị V và ông Bùi Văn Đ về chung sống với nhau, đã được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, giữa bà Đào Thị V và ông Bùi Văn Đ không phát sinh quan hệ hôn nhân. Sau thời gian chung sống, đến khoảng năm 2020 thì giữa hai ông bà nảy sinh mâu thuẫn và không chung sống với nhau nữa cho đến nay. Hiện tại, cả hai ông bà đều xác định không còn tình cảm với nhau, cùng nhất trí đề nghị Toà án tuyên bố ông bà không phải là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét nguyện vọng của bà V và ông Đ là có cơ sở nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị V: tuyên bố bà Đào Thị V và ông Bùi Văn Đ không phải là vợ chồng.

[4]Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà V và ông Đ có một con chung là: Bùi Văn T, sinh ngày 24/9/2006. Bà V, ông Đ cùng nhất trí giao con cho cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng, các đương sự tự thoả thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết. Cháu Bùi Văn T cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu giải quyết về con chung của nguyên đơn.

[5]Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6]. Về công nợ: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]Về án phí và quyền kháng cáo

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đào Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Bởi các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn điều 14, điều 15, điều 16, khoản 2 Điều 53, điều 81, điều 82 và điều 83 luật hôn nhân và gia đình ; điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 228 ; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; khoản 5, điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị V, tuyên bố bà Đào Thị V và ông Bùi Văn Đ không phải là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao con Bùi Văn T, sinh ngày 24/9/2006 cho ông Bùi Văn Đ tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con trưởng thành.

Bà V có quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự tự thoả thuận

**3.** Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4.** Về công nợ: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết,

**5.** Về án phí: bà Đào Thị V nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số: 0000293 ngày 28/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy.

**6**. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*Nơi nhận:*

- *TAND tỉnh HB;*
- *VKSND huyện LT;*
- *THADS huyện LT;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**Vũ Hải Dương**

**Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*Nơi nhận:*

- *TAND tỉnh HB;*
- *VKSND huyện LT;*
- *THADS huyện LT;*
- *UBND xã Đồng Tâm;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**Vũ Hải Dương**

**Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*Nơi nhận:*
- *TAND tỉnh HB;*
- *VKSND huyện LT;*
- *THADS huyện LT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*